TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 9 – 2022
V/v "Tranh chấp L hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Nguyễn Trường Hận

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp L hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Yến L, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã PĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp NM A, xã KH, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh L, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã PĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình hòa giải vụ án và tại phiên toà, chị Bùi Yến L và anh Võ Thanh L trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị L và anh L chung sống vợ chồng vào năm 2004, không đăng ký kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới và được gia đình hai bên chấp thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị L cho rằng anh L đánh đập chị nhiều lần, tạo áp lực tâm lý lo sợ, ức chế. Nhận thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh L.

Anh L cho rằng do vợ, chồng không hiểu nhau, khi có rượu, anh có đánh chị L vài bạt tay. Nay anh thấy được việc làm sai trái của mình nên xin Tòa án cho anh được đoàn tụ.

- Về con chung: Chị L và anh L xác định có 03 người con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 13/01/2006; Võ Ánh D, sinh ngày 28/11/2007; Võ Hoài Ph, sinh ngày 02/7/2014. Khi L hôn, chị L và anh L đều yêu cầu được nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L và và anh L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa chị Bùi yến L và anh Võ Thanh L là "Tranh chấp về L hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Bùi yến L và anh Võ Thanh L có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 2004 đến khoảng đầu năm 2022. Theo chị L và anh L xác định, giữa chị và anh không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị L và anh L đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay chị L kiên quyết yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, anh, chị luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và không tin tưởng nhau rồi thường xuyên cải vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, chị L xác định tình cảm vợ, chồng giữa chị và anh L không còn, nếu tiếp tục chung sống thì tạo áp lực, tâm lý lo sợ nên chị không thể quay lại tiếp tục chung với với anh L được nữa.

Theo tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu L hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền,

nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị L và anh L đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Có các cháu Võ Ngọc H, sinh ngày 13/01/2006; Võ Ánh D, sinh ngày 28/11/2007; Võ Hoài Ph, sinh ngày 02/7/2014. Khi L hôn, chị L và anh L đều yêu cầu được nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tòa án tiến hành ghi nguyện vọng của cháu H, cháu D và cháu Ph thì nguyện vọng của các cháu muốn được sống chung với anh L. Do đó, cần tôn trọng sự tự nguyện theo nguyện vọng của các cháu, tiếp tục giao cháu H, cháu D, cháu Ph cho anh L nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, anh L không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh L xác định giữa anh và chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L, anh L khai rằng giữa anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị L là nguyên đơn nên chị phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Yến L và anh Võ Thanh L.

2 - Về con chung: Giao các cháu Võ Ngọc H, sinh ngày 13/01/2006; Võ Ánh D, sinh ngày 28/11/2007; Võ Hoài Ph, sinh ngày 02/7/2014 cho anh Võ Thanh L

tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị L không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Chị L và anh L tự thỏa thuận.

4 - Về nợ chung: Chị L và anh L xác định không có.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Yến L phải chịu 300.000đ, ngày 04 tháng 8 năm 2022, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau theo biên lai số: 5245 được đối trừ chuyển thu.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị L và anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Minh Hải